

Số: 20200712./VCFM-ETFVN100-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM

Tên CTQLQ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL (“VinaCapital”)

Tên Quỹ ETF niêm yết: QUỸ ETF VINACAPITAL VN100

Mã chứng khoán: FUEVN100

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 17, Tòa Nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 – 28) 3821 9930

Fax: (84 – 28) 3821 9931

Người thực hiện CBTT: ĐÌNH GIA NINH

Chức vụ: Trưởng Bộ Phận Kiểm soát nội bộ Công Ty Cổ phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Loại thông tin công bố: 24h Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin về

- Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ bán niên năm 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ ETF /Công ty quản lý quỹ vào ngày 22/07/2020 tại đường dẫn <https://wm.vinacapital.com/> của quỹ ETF/Công ty quản lý quỹ.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm

- Nội dung thông tin cần công bố
và Tập tin đính kèm

TP. HCM, Ngày 22 tháng 07 năm 2020

Người thực hiện công bố thông tin



ĐÌNH GIA NINH

Trưởng bộ phận Kiểm Soát Nội Bộ

Phụ lục số 16

Mẫu Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục)

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ

Bán niên năm 2020

1. Thông tin về quỹ

a) Tên của quỹ, loại hình quỹ: QUỸ ETF VINACAPITAL VN100

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của Chỉ Số Tham Chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ Số Tham Chiếu là chỉ số VN100 do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (“SGDCK”) xây dựng và quản lý như được mô tả chi tiết tại Bản Cáo Bạch. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của SGDCK là 10%.

Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu lợi nhuận bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ Số Tham Chiếu bằng cách đầu tư vào danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu thuộc Chỉ Số Tham Chiếu. Quỹ cũng sẽ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ. Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có): được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy thành lập quỹ (16/06/2020) và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có): Danh mục chỉ số tổng thu nhập VN100

e) Chính sách phân chia lợi nhuận:

Được quy định theo Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch. Theo đó, lợi nhuận có thể được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của Công ty Quản lý quỹ, Ban Đại Diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ (“CCQ”) phát hành thêm.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành;

Tổng số CCQ tại ngày 16/06/2020 (ngày thành lập Quỹ)	5.300.000 CCQ
Tổng số lượng CCQ phát hành thêm trong kỳ	0 CCQ
Tổng số lượng CCQ mua lại trong kỳ	0 CCQ
Tổng số lượng CCQ tại ngày 30/06/2020	5.300.000 CCQ

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có): được đề cập trong Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên năm tài chính 2020 của Quỹ ETF VinaCapital VN100 ngày 03/07/2020 (chi tiết theo file đính kèm)



ETF_Nghị quyết
AGM lan dau _2020.

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo (nếu có): Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên năm tài chính 2020 của Quỹ ETF VinaCapital VN100 ngày 03/07/2020 đã thông qua các vấn đề: (1) chỉ định Ngân hàng giám sát và hợp đồng giám sát, lưu ký; (2) ủy quyền cho Ban Đại Diện (BDD) Quỹ chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2020; (3) bầu thành viên BDD Quỹ; (4) thù lao và ngân sách hoạt động của BDD Quỹ năm 2020; (5) sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ; (6) ủy quyền cho BDD Quỹ quyết định một số vấn đề trong năm 2020 và các vấn đề khác (nếu có). (chi tiết theo file đính kèm)



ETF_Nghị quyết
AGM lan dau _2020.

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 24 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ ETF: Công ty Quản lý Quỹ đáp ứng đúng các quy định tại điều 24 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý Quỹ ETF.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/06 của 3 năm gần nhất (nếu có): Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ vào ngày 16/06/2020 theo Giấy chứng nhận số 44/GCN-UBCK.

- Danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm 30/06 của 3 năm gần nhất (không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán):

Cơ cấu tài sản quỹ	Tại ngày 30/06/2020
Danh mục chứng khoán	99,29%
Tài sản khác	0,71%
Cộng	100%

- Danh mục đầu tư được phân bổ theo ngành như sau:

Ngành	Tại ngày 30/06/2020
Ngân hàng	27,81%
Hàng hoá công nghiệp	4,88%
Dệt may và Thiết bị tiêu dùng	1,26%
Dịch vụ tài chính	1,30%
Năng lượng	1,15%
Thực phẩm, nước giải khát và thuốc lá	17,08%
Bảo hiểm	0,36%
Vật liệu	6,61%
Bất động sản	26,02%
Bán lẻ	2,98%
Thiết bị và Phần cứng công nghệ	3,14%
Vận Tải	4,71%
Tiện ích công cộng	1,98%
Tiền và tương đương tiền	0,71%
Tổng	100%

- Giá trị tài sản ròng của quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ:

Giá trị tài sản ròng	Tại ngày 30/06/2020
của quỹ ETF	53.153.862.708
của một lô CCQ ETF	1.002.903.070
của một CCQ ETF	10.029,03

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất/thấp nhất trong kỳ báo cáo:
 - Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo: 10.511,65 đồng
 - Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo: 10.029,03 đồng

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập) như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
1	Lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)	(169.663.600)
2	Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi, ...)	432.923.005
3	Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu, trái phiếu	-
4	Tổng chi phí	109.396.697
	Tổng cộng	153.862.708

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ: không có
- Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có
- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ: 0,40%
- Tốc độ vòng quay danh mục: 0,00%

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận của Quỹ tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo: 153.862.708 đồng

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.
- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: không có

d) Các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư:

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất kết quả hoạt động và sự biến động của chỉ số tổng thu nhập VN100. Từ ngày Quỹ được cấp giấy chứng nhận lập Quỹ đến khi kết thúc tháng 06/2020, Quỹ đã đạt được mục tiêu đề ra khi mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu chỉ ở mức thấp khoảng 0,40%.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ mới được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ số 44/GCN-UBCK vào ngày 16/06/2020, do đó không có đủ cơ sở dữ liệu để thực hiện so sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở trong cùng kỳ báo cáo.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ mới được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ số 44/GCN-UBCK vào ngày 16/06/2020, do đó không có đủ cơ sở dữ liệu để thực hiện so sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu lợi nhuận bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ Số Tham Chiếu bằng cách đầu tư vào danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu thuộc Chỉ Số Tham Chiếu.

Quỹ cũng sẽ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch và quy định của pháp luật.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo;

Quỹ mới được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ số 44/GCN-UBCK vào ngày 16/06/2020, do đó không có đủ cơ sở dữ liệu để thực hiện mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này so với tại kỳ báo cáo gần nhất:

Quỹ mới được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ số 44/GCN-UBCK vào ngày 16/06/2020, do đó không có đủ cơ sở dữ liệu để thực hiện so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại kỳ báo cáo ngày 30/06/2020 với kỳ báo cáo của năm gần nhất tương ứng.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)...:

Nửa đầu năm 2020, chỉ số VN Index giảm 14,1% do dịch Covid-19 gây ra mối lo ngại về suy thoái kinh tế toàn cầu. Thị trường chứng khoán trong 6 tháng đầu năm ghi nhận nhiều biến động mạnh khi tâm lý thị trường thay đổi liên tục. Trong Quý 1, thị trường chịu ảnh hưởng bởi các thông tin tiêu cực về sự lây lan của dịch bệnh Covid-19, chỉ số VN-Index giảm 31,1%. Sang Quý 2, thị trường hồi phục 24,5% trước các thông tin lạc quan về việc nền kinh tế được mở cửa lại và việc thử nghiệm vaccine phòng Covid-19.

Trước các biến động mạnh từ thị trường, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng 538 tỷ trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM (“SGDCK TP. HCM”) trong sáu tháng đầu năm. Nếu không tính thương vụ 650 triệu USD do nhóm cổ đông dẫn đầu bởi KKR mua 6% cổ phần VHM, khối ngoại đã bán ròng mạnh 15,6 nghìn tỷ đồng trên SGDCK TP. HCM. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn chịu ảnh hưởng nặng nhất - chỉ số VN30 giảm 12,4%. Trong khi đó, chỉ số cổ phiếu vốn hóa vừa VN70 chỉ giảm 7,4%, và cổ phiếu vốn hóa nhỏ giảm ít nhất, chỉ số VN Small Cap giảm 6,0%.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): không có

m) Các thông tin khác (nếu có).

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát

Trong giai đoạn từ ngày 16 tháng 06 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, ngân hàng giám sát đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định phát luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ ETF VinaCapital VN100 với các nội dung sau:

a) Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF Vinacapital VN100 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Phát hành và hoán đổi Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Trong giai đoạn từ ngày 16 tháng 06 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, Quỹ ETF Vinacapital VN100 không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyên nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau:

Đối với Quỹ ETF VinaCapital VN100, các đơn vị nhận ủy quyền bao gồm:

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa cung cấp dịch vụ Quản trị Quỹ
- Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nhượng
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cung cấp dịch vụ tính Giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) và tính toán mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (TE)
- Đại lý phân phối kiêm Thành viên lập quỹ:
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect (VNDS)

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:



Chỉ tiêu	Chi phí tính đến tháng 06/2020 (VNĐ)	Tỷ lệ so với Lợi nhuận	Tỷ lệ so với Thu nhập	Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động Quỹ
Giá dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000	10,72%	3,81%	15,08%
Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng	-	0%	0%	0%
Giá dịch vụ tính iNAV và sử dụng chỉ số iIndex	-	0%	0%	0%
Giá dịch vụ giao dịch trả đại lý phân phối	-	0%	0%	0%
Tổng chi phí cho hoạt động ủy quyền	16.500.000	10,72%	3,81%	15,08%

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, do đó không ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ.

c) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Các bên nhận ủy quyền đều đáp ứng được yêu cầu về hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật,..., do đó, đảm bảo quy trình nghiệp vụ được ủy quyền diễn ra thông suốt, không bị gián đoạn.

**Đại diện có thẩm quyền Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ
VinaCapital**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Hoài Thu

Giám Đốc Khối Đầu tư, Chứng khoán đại chúng & Trái phiếu